

T, ngày 04 tháng 11 năm 2024

Số: 489/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn”, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Xóm XXX, xã Y, huyện T, thành phố H

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1957

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Xóm XXX, xã Y, huyện T, thành phố H

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Mạnh T có hai con chung là anh Nguyễn Mạnh L, sinh năm 1979 và anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1982. Anh L và anh K đã trưởng thành, bà H và ông T không đề nghị Tòa án xem xét vấn đề nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa không xét.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Y (Giấy công nhận kết hôn ngày 19/10/1978);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Hải

